

# HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

NCS. Nguyễn Hùng Cường\*

*Tóm tắt: Trong khi đang đối mặt với những thách thức của việc đảm bảo an ninh năng lượng, thời gian qua, sự phát triển của năng lượng tái tạo tại Việt Nam là rất hạn chế. Bài viết trình bày những lợi ích, rào cản và thực trạng chính sách hỗ trợ năng lượng tái tạo của Việt Nam và phân tích chính sách hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo hiện nay, đồng thời đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện chính sách hỗ trợ năng lượng tái tạo phát triển nhằm góp phần giải quyết các thách thức về năng lượng, môi trường và phát triển bền vững của Việt Nam.*

*Từ khóa: Năng lượng tái tạo; chính sách; môi trường; phát triển bền vững.*

## Đặt vấn đề

Việt Nam là quốc gia có tiềm năng rất lớn về nguồn năng lượng tái tạo phân bố rộng khắp trên toàn quốc. Sinh khối từ các sản phẩm hay chất thải nông nghiệp có sản lượng tương đương 10 triệu tấn dầu/năm. Tiềm năng khí sinh học xấp xỉ 10 tỷ mét khối năm có thể thu được từ rác, phân động vật và chất thải nông nghiệp. Tiềm năng kỹ thuật của thủy điện nhỏ (<30MW) hơn 4.000MW. Nguồn năng lượng mặt trời phong phú với bức xạ nắng trung bình là 5kWh/m<sup>2</sup>/ngày phân bố trên khắp đất nước. Vị trí địa lý của Việt Nam với hơn 3.260km đường bờ biển cũng giúp Việt Nam có tiềm năng rất lớn về năng lượng gió với tiềm năng ước tính khoảng 500-1000kWh/m<sup>2</sup>/năm (GIZ, 2015). Những nguồn năng lượng thay thế này có thể được sử dụng giúp Việt Nam đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng tăng nhanh, đồng thời giải quyết những thách thức liên quan đến năng lượng.

Có lẽ vì thế, Chính phủ Việt Nam đã có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo, mặc dù năng lượng tái tạo vẫn chưa phát triển đúng với tiềm năng và vai trò quan trọng của nó trong việc đáp ứng nhu cầu năng lượng cho xã hội. Do đó, việc nghiên cứu, đánh giá những lợi ích, thực

trạng và chính sách hỗ trợ sự phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam có ý nghĩa hết sức quan trọng, để từ đó đề xuất những khuyến nghị chính sách giúp thúc đẩy phát triển loại năng lượng tái tạo trong điều kiện hiện nay.

## 1. Lợi ích của năng lượng tái tạo đối với Việt Nam

Hiện nay, phát triển năng lượng tái tạo mang lại cho Việt Nam sáu lợi ích như sau:

*Một là*, tăng khả năng đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng tăng của Việt Nam, đa dạng hóa và ổn định nguồn cung năng lượng.

*Hai là*, giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và năng lượng nhập khẩu, tăng cường sử dụng các nguồn tài nguyên trong nước giúp đảm bảo an ninh năng lượng.

*Ba là*, cung cấp điện cho các vùng sâu, vùng xa, biển đảo,... nơi mà việc xây dựng lưới điện mới là không thể hoặc quá tốn kém.

*Bốn là*, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường, giảm thiểu biến đổi khí hậu, sự nóng lên của trái đất và phát thải khí CO<sub>2</sub>... đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững đất nước.

*Năm là*, cung cấp các lợi ích quan trọng về sức khỏe cộng đồng.

\* Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải.

Sáu là, tạo thêm cơ hội đầu tư, tạo việc làm mới cho nhiều lực lượng lao động xã hội trong chuỗi công nghệ: sản xuất thiết bị, phát triển dự án, xây dựng, lắp đặt, vận hành, bảo trì, vận tải, hậu cần, tài chính, pháp lý và dịch vụ tư vấn...

## 2. Rào cản phát triển năng lượng tái tạo tại Việt Nam

### *Độc quyền thị trường*

Thị trường năng lượng của Việt Nam bị chi phối bởi ba Tập đoàn năng lượng (EVN, PVN, Than và khoáng sản Việt Nam), trong khi EVN sở hữu lượng lớn các nhà máy nhiệt điện thì PVN, Than và Khoáng sản Việt Nam là các nhà khai thác nguyên liệu hóa thạch. Chính vì vậy, các tập đoàn này không có động lực phát triển năng lượng tái tạo, mà còn chi phối thị trường theo hướng các năng lượng truyền thống mà họ có lợi thế khiến cho năng lượng tái tạo khó khăn tiếp cận thị trường.

### *Chi phí sản xuất cao*

Chi phí năng lượng tái tạo của Việt Nam hiện nay còn cao do năng lượng tái tạo là công nghệ mới, thiết bị và công nghệ phải nhập khẩu, nên chi phí đầu tư và vận hành cao. Trong khi đó, giá năng lượng từ các nguồn năng lượng truyền thống thấp hơn nhiều do chưa phản ánh đầy đủ các chi phí làm tổn hại đến môi trường và sức khỏe. Kết quả là, sự phát triển của năng lượng tái tạo không có khả năng cạnh tranh với các năng lượng truyền thống và không hấp dẫn đầu tư mới.

### *Tài chính*

Ngành tài chính của Việt Nam có khả năng thấp và thường không được trang bị các công cụ và sự hoàn thiện để thực hiện các dự án năng lượng tái tạo. Rào cản này tồn tại dưới dạng tác nhân chính yếu do quá nhấn mạnh vào chi phí ban đầu hơn là xem xét tới chi phí của cả vòng đời công nghệ và các lợi ích về sức khỏe và môi trường của năng lượng tái tạo.

### *Cơ sở dữ liệu, thông tin*

Do tính đặc thù của năng lượng tái tạo là phân tán, phụ thuộc mùa vụ, thời tiết, nên nguồn số liệu

là không sẵn có. Hiện nay, chưa có cơ quan nào được giao thu thập, cập nhật và thống kê như đã làm với các dạng năng lượng truyền thống. Việc đánh giá chính xác tiềm năng năng lượng tái tạo có sự dao động lớn là do thiếu cơ sở dữ liệu tin cậy.

### *Công nghệ*

Năng lượng tái tạo là công nghệ mới tại Việt Nam, nên chưa có các doanh nghiệp cung cấp các thiết bị và dịch vụ điện liên quan. Do vậy, các công nghệ này phần lớn chưa chế tạo được trong nước mà phải nhập khẩu. Các dịch vụ sau lắp đặt chưa có, đặc biệt là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Đối với Việt Nam, cho đến nay cũng chưa có công nghệ hoàn thiện nào được thử nghiệm ở các điều kiện khí hậu đặc trưng (như bão, độ ẩm cao, các thông số khí quyển...). Ngoài ra, các đơn vị quản lý chưa có kinh nghiệm về lựa chọn thiết bị đồng bộ, kỹ năng khai thác, vận hành và bảo dưỡng, chưa có mô hình quản lý và kinh doanh đối các dự án năng lượng tái tạo thành công.

### *Thiếu nguồn nhân lực*

Ngành công nghệ năng lượng tái tạo là mới ở Việt Nam, gần như không có nhân lực đã qua đào tạo và có trình độ. Hiện nay, rất ít trường Đại học đào tạo chuyên ngành công nghệ năng lượng tái tạo khiến cho thiếu hụt nhân lực nghiêm trọng để phát triển. Với kế hoạch mở rộng năng lượng tái tạo theo chiến lược quốc gia, việc thiếu nhân lực có trình độ sẽ cản trở rất lớn cho sự phát triển năng lượng tái tạo.

## 3. Chính sách năng lượng tái tạo của Việt Nam

Với sự ra đời của bảo vệ môi trường trong Hiến pháp năm 1992, Việt Nam đón nhận sự phát triển bền vững như là một trong những trụ cột chính của tăng trưởng kinh tế dài hạn và đã giúp thông qua một số chính sách xanh khác nhau. Pháp lệnh của quốc gia đầu tiên về môi trường, Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam đã được ban hành vào năm 1995. Sửa đổi năm 2005, Luật đã cung cấp cơ sở pháp lý cho các công cụ tài chính và tài chính xanh, nhưng không xác định bất kỳ mục tiêu năng lượng tái tạo nào.

### 3.1. Quy hoạch phát triển điện VII

Được phê duyệt trong năm 2011, Quy hoạch phát triển điện VII Việt Nam là nền tảng cho sự phát triển của ngành điện từ năm 2011 đến năm 2020, với một tầm nhìn xa hơn tới năm 2030. Quy hoạch phát triển điện VII đã nhấn mạnh ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo và thiết lập các mục tiêu công suất:

Năng lượng gió: 1.000MW vào năm 2020; 6.200MW vào năm 2030.

Sinh khối: 500MW vào năm 2020; 2.000MW vào năm 2030.

Thủy điện: từ 9.200MW vào năm 2010 đến 17.400MW vào năm 2020.

Ngoài ra, để đạt được 100% các gia đình có điện vào năm 2020, quy hoạch phát triển điện VII đã được quyết định sử dụng năng lượng tái tạo để điện khí hoá 600.000 hộ còn lại không có khả năng kết nối với lưới điện quốc gia (EVN, 2011).

Cùng với mục tiêu năng lượng tái tạo cho phát triển vào và ngoài lưới, quy hoạch phát triển điện VII cũng đặt ra cho mục tiêu than và Việt Nam sử dụng than như là trụ cột của ngành năng lượng. Đến năm 2030, công suất nhiệt điện đốt than của Việt Nam dự kiến sẽ đạt 75.000MW, gần một nửa tổng công suất lắp đặt điện của cả nước. Điều này buộc Việt Nam phải nhập khẩu than để đáp ứng kế hoạch năng lượng của mình trong năm 2015.

### 3.2. Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo. Chiến lược này khuyến khích ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo, đặc biệt là sinh khối, khí sinh học, năng lượng gió và các nguồn năng lượng mặt trời cho các mục đích năng lượng và điện.

Theo chiến lược này, các mục tiêu cho việc sử dụng các loại nguồn năng lượng tái tạo như sau:

- Đối với sinh khối và khí sinh học nguồn: Tỷ lệ sử dụng dư thừa của các nhà máy công nghiệp

và nông nghiệp cho năng lượng (điện) với mục đích tăng từ khoảng 45% năm 2015 đến 50%, khoảng 60% và 70% tương ứng trong năm 2020, năm 2030 và năm 2050. Tỷ lệ xử lý chất thải chăn nuôi cho mục đích năng lượng tăng từ khoảng 5% vào năm 2015 lên 10%, 50% và gần 100% trong năm 2020, năm 2030 và năm 2050.

- Đối với các nguồn tài nguyên năng lượng gió và năng lượng mặt trời: Chiến lược khuyến nghị ưu tiên phát triển nguồn năng lượng gió trong dài hạn đến năm 2030. Phát điện gió dự kiến sẽ tăng từ khoảng 180GWh vào năm 2015 lên 2,5TWh, chiếm 1% tổng lượng hỗn hợp; 16TWh chiếm 2,7% và 53TWh chiếm 5% tương ứng trong năm 2020, năm 2030 và năm 2050. Về phát triển năng lượng mặt trời để cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia, hải đảo, biên giới và vùng sâu, vùng xa, nơi cung cấp điện của lưới điện quốc gia là không thể. Năng lượng mặt trời dự kiến sẽ tăng từ khoảng 10GWh vào năm 2015 lên 1,4TWh, chiếm 0,5% tổng lượng hỗn hợp; 35,4TWh - 6% và 210TWh - 20% tương ứng trong năm 2020, năm 2030 và năm 2050 (Chính phủ, 2015).

Mặc dù, trong khi cả hai văn bản đã đề ra mục tiêu cho phát triển năng lượng tái tạo, tuy nhiên, chúng không đi kèm với những ưu đãi tài chính tương xứng. Điều đó sẽ là cần thiết để thúc đẩy đầu tư vào các công nghệ sạch. Trong khi đó, những ưu đãi như vậy cũng là cần thiết để giảm khí nhà kính (GHG) phát thải bằng 8 đến 25% vào năm 2030, như theo cam kết của Việt Nam tại Hội nghị về Biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc 2015 (COP 21).

### 3.3. Miễn giảm thuế

Theo Nghị định 69/2009/NĐ-CP, Chính phủ khuyến khích các tổ chức ngoài Nhà nước tham gia vào các hoạt động môi trường trong các lĩnh vực sau: Thu gom chất thải (bao gồm chất thải nguy hại), vận chuyển và xử lý, xử lý nước thải, vệ sinh công cộng, hòa tan, cung cấp nước, giám sát và phân tích môi trường, sản xuất năng lượng tái tạo từ năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng thủy triều, năng lượng địa nhiệt, năng lượng sinh học và năng lượng từ chất thải.

Nghị định Chính phủ 04/2009/NĐ-CP đưa ra một số cơ chế tài chính, đất đai và các khoản trợ cấp đầu tư cho các doanh nghiệp xanh. Nghị định 69/2009/NĐ-CP cho phép miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị để thu gom, xử lý chất thải rắn, theo dõi và phân tích các chỉ tiêu môi trường, sản xuất

năng lượng sạch và năng lượng tái tạo. Sản phẩm được miễn thuế xuất khẩu bao gồm các sản phẩm từ vật liệu tái chế, các sản phẩm có nhân sinh thái được công nhận bởi Chính phủ và các sản phẩm phân hủy sinh học.

**Bảng 1: MIỄN GIẢM THUẾ VÀ ƯU ĐÃI CHO CÁC DỰ ÁN, DOANH NGHIỆP NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO**

Thuế nhập khẩu	Miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, vật liệu nhập khẩu để hoạt động sản xuất. Có sẵn trong 4 năm đầu hoạt động
Thuế VAT	- Mua bán thiết bị đầu tư được miễn thuế VAT. - 0% thuế VAT đối với các dự án năng lượng tái tạo
Thuế thu nhập doanh nghiệp	- Thuế suất: 10% trong thời hạn 15 năm cho các doanh nghiệp năng lượng tái tạo mới thành lập. Nếu dự án sử dụng công nghệ tiên tiến hoặc là một dự án quy mô lớn, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được mở rộng lên đến 30 năm với mức thuế suất 10% - Miễn thuế, giảm thuế: Trong 4 năm đầu tiên, các doanh nghiệp nhận được miễn thuế. Trong 9 năm tiếp theo, doanh nghiệp cũng có thể được giảm thuế lên đến 50% (Nghị định số 124/2008/NĐ-CP)
Cho vay ưu đãi	Nhà đầu tư được cung cấp với các khoản vay ưu đãi lên đến 80% chi phí đầu tư của dự án. Ngoài ra, Nghị định 75/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2011 nhấn mạnh dự án điện gió được hưởng ưu đãi tín dụng của Chính phủ
Phí bảo vệ môi trường	Miễn phí bảo vệ môi trường
Phí sử dụng đất	Phụ thuộc vào vị trí của dự án; doanh nghiệp được miễn/giảm phí sử dụng đất

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả (2015).*

### 3.4. Thuế trợ cấp (FIT)

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành mức FIT cho điện gió 1.614 VND/kWh (7,8 USD cent/kWh) cùng với một trợ cấp của 207 VND/kWh (1,0 USD cent/kWh) cho Công ty Điện lực Việt Nam (ENV). Mức FIT là thấp hơn đáng kể hơn so với các nước khác trong khu vực - 18 USD cent/kWh ở Thái Lan và 23 USD cent/kWh ở Philippines (Baletti, 2013). Mức FIT thấp chưa đủ hấp dẫn để thúc đẩy đầu tư của các nhà phát triển các dự án điện gió quy mô vừa và nhỏ.

### 3.5. Cơ chế phát triển sạch

Việt Nam cũng đã sử dụng cơ chế phát triển sạch (CDM), với phần lớn các dự án mà mục tiêu là các nhà máy thủy điện quy mô nhỏ. Các hoạt động CDM của Việt Nam bao gồm 27 và 58 dự án đăng ký trong năm 2010 và 2011. Trong quá khứ, các khuyến khích tài chính liên quan đến CDM cũng được coi là một yếu tố quan trọng cho phát triển thủy điện. Tuy nhiên, theo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, thủ tục hành chính CDM là quan liêu, phức tạp và không cụ thể. Hơn

nữa, các nhà đầu tư tiềm năng của dự án đã trải qua những khó khăn trong việc chứng minh tính bổ sung của dự án (Joint Implementation and Clean Development Mechanism Program, 2013).

**3.6. Thuế bảo vệ môi trường**

Năm 2010, Chính phủ ban hành thuế bảo vệ môi trường là điều chỉnh sản xuất tiêu dùng theo hướng bảo vệ môi trường, khuyến khích sản xuất, sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm... Tuy nhiên,

việc sử dụng nguồn quỹ là không hiệu quả và chậm giải ngân, dự toán chi ngân sách Trung ương năm 2013 cho biết, số chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường chỉ là 1.172 tỷ đồng, chưa bằng 10% của số thu được năm là gần 14.300 tỷ đồng. Năm 2014, bản dự toán tương tự công bố, mức chi dù đã tăng lên, xấp xỉ 1.450 tỷ đồng, nhưng cũng khá khiêm tốn so với số thu hơn 12.500 tỷ đồng (Phương Mai, 2015).

**Bảng 2: BIỂU THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NĂNG LƯỢNG HÓA THẠCH**

STT	Hàng hóa	Đơn vị tính	Mức thuế (VND/đơn vị hàng hóa)
<b>I</b>	<b>Xăng, dầu, mỡ nhờn</b>		
1	Xăng, trừ etanol	Lít	1.000-4.000
2	Nhiên liệu bay	Lít	1.000-3.000
3	Dầu diesel	Lít	500-2.000
4	Dầu hỏa	Lít	300-2.000
5	Dầu mazut	Lít	300-2.000
<b>II</b>	<b>Than đá</b>		
1	Than nâu	Tấn	10.000-30.000
2	Than an-tra-xít (antraxit)	Tấn	20.000-50.000
3	Than mỡ	Tấn	10.000-30.000
4	Than đá khác	Tấn	10.000-30.000

Nguồn: [www.moj.gov.vn](http://www.moj.gov.vn).

**4. Phân tích chính sách**

Năng lượng tái tạo đang ngày càng khẳng định vị trí quan trọng trong cung cấp năng lượng tương lai của Việt Nam. Chính phủ đã đưa ra các mục tiêu phát triển năng lượng tái tạo dài hạn đến năm 2030 và tầm nhìn tới năm 2050 và Quy hoạch phát triển điện VII thể hiện rõ vai trò của năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng quốc gia. Tuy nhiên các mục tiêu của chính sách năng lượng tái tạo có xu hướng nhấn mạnh quá mức về số lượng mà không quan tâm tới chất lượng. Chính sách năng lượng đặt ra mục tiêu cụ thể về khối lượng sản xuất đối với sự phát triển của năng lượng tái tạo và áp dụng các biện pháp khác nhau bao gồm thuế và trợ cấp để mở rộng ngành công nghiệp, thu hút đầu tư, cơ chế phát triển sạch,... nhưng những

chi tiêu đối với các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường và các quy tắc cạnh tranh ít nghiêm ngặt và không rõ ràng. Đồng thời, chính sách thường chỉ theo một cách tiếp cận từ trên xuống mà không có liên hệ thông tin với các bên liên quan khác, bỏ qua cả khả năng sáng tạo độc lập của các doanh nghiệp.

Các nhà hoạch định chính sách Việt Nam vẫn còn xem xét các loại nhiên liệu hóa thạch như trụ cột cơ bản của nguồn cung điện trong tương lai. Chính phủ kiểm soát chặt chẽ về giá điện, phân bổ ngân sách đáng kể hàng năm để giữ giá điện thấp và thúc đẩy việc khai thác, sản xuất và xuất khẩu các loại nhiên liệu hóa thạch. Việt Nam tiếp tục lập kế hoạch và xây dựng các nhà máy điện than và khí với hàng gigawatt công suất. Mặc dù

giảm tương đối của phần nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất điện là mục tiêu trong tương lai (vì lợi ích tương đối của năng lượng tái tạo), vẫn sẽ là một gia tăng tuyệt đối đáng kể công suất do nhu cầu năng lượng tăng cao. Khi xem xét sự phát triển hiện tại và kế hoạch liên quan đến than và bỏ sung công suất khí tự nhiên, thì mục tiêu năng lượng tái tạo đến năm 2030 khó có thể hoàn thành.

Sự thiếu hụt các cơ chế chính sách cho đầu tư cho nghiên cứu và triển khai (R&D) các công nghệ năng lượng tái tạo của Việt Nam hiện nay biến Việt Nam gần như phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn thiết bị nhập khẩu. Các doanh nghiệp trong ngành năng lượng tái tạo lựa chọn chuyển giao hoặc nhập khẩu công nghệ hơn là R&D để sở hữu công nghệ và sản xuất trong nước nhiều rủi ro. Cùng với đó là sự thiếu hụt nhân lực để triển khai và vận hành các công nghệ năng lượng tái tạo cũng gây ra khó khăn cho sự phát triển của năng lượng tái tạo trong dài hạn.

Việt Nam cũng đã thành công đưa ra một khuôn khổ tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư CDM. Trong khi đó, Chính phủ cũng đã sử dụng CDM như là một phương tiện để gây quỹ công cộng, và gây ảnh hưởng đến sự lựa chọn dự án thông qua các mức thuế suất khác biệt trên các loại của dự án khác nhau. Các hoạt động CDM của Việt Nam bao gồm 27 và 58 dự án đăng ký trong năm 2010 và 2011. Về lâu dài, CDM có thể chiếm tỷ trọng đáng kể của tổng doanh thu của nhà đầu tư các dự án năng lượng tái tạo.

### 5. Kết luận và một số kiến nghị

Việt Nam có tiềm năng lớn trong phát triển năng lượng tái tạo do sự phong phú của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý và điều kiện khí hậu thuận lợi. Cùng với nhu cầu ngày càng tăng về năng lượng, sự cạn kiệt của các nguồn nhiên liệu hóa thạch, đồng thời phải tuân thủ các cam kết giảm lượng phát thải các bon và bảo vệ môi trường đã khiến phát triển năng lượng tái tạo trở thành giải pháp tối ưu cho Việt Nam nhằm đồng thời giải quyết với các thách thức trên. Chính phủ đã phát triển một khung chính sách tổng thể cho sự phát triển các lĩnh vực năng lượng tái tạo. Sự ra đời của Quy hoạch phát triển điện VII và Chiến lược phát

triển năng lượng tái tạo quốc gia là một bước đột phá trong việc thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo, cung cấp một khuôn khổ pháp lý cho việc ban hành các ưu đãi đầu tư, như ưu đãi về thuế và trợ cấp giá điện. Tuy nhiên, bất chấp những thành tích, chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam là không toàn diện, dẫn đến một số cản trở không xử lý thỏa đáng hoặc bỏ qua. Kết quả là sự phát triển của năng lượng tái tạo vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và khó đạt được mục tiêu giảm phát thải các bon theo kế hoạch hay cam kết quốc tế. Nhằm hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ năng lượng tái tạo của Việt Nam, tác giả kiến nghị một số giải pháp sau:

Chính phủ Việt Nam cần đưa ra các mục tiêu năng lượng tái tạo về sản xuất và lắp đặt thêm công suất. Mục tiêu của Việt Nam cho năng lượng tái tạo là chưa tương xứng với tiềm năng, do hiện nay Chính phủ chủ yếu tập trung vào các nguồn năng lượng truyền thống. Chính vì vậy, một mục tiêu tham vọng và thực tế sẽ thể hiện quyết tâm của Việt Nam, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc phát triển năng lượng tái tạo và phát triển bền vững, giúp các bên liên quan định hướng trong thu hút đầu tư và phát triển ngành năng lượng phù hợp.

Việt Nam cần tăng cường phối hợp với các bên liên quan và có một cơ quan chuyên trách phát triển năng lượng tái tạo. Hiện nay, Việt Nam có nhiều mục tiêu năng lượng tái tạo khác nhau phản ánh trong các văn bản chính thức như: Chiến lược phát triển Năng lượng tái tạo, Quy hoạch phát triển điện VII, Chiến lược phát triển bền vững do các cơ quan khác nhau đưa ra. Việc có nhiều mục tiêu năng lượng tái tạo thể hiện sự không nhất quán về mục tiêu chính sách trong hoạch định chính sách, không có sự gắn kết trong các thiết lập mục tiêu năng lượng tái tạo cùng tồn tại trong chính sách khác nhau được đưa ra bởi các cơ quan chính phủ khác nhau. Việc có một cơ quan chuyên trách và một mục tiêu duy nhất sẽ làm tăng hiệu quả giám sát và thực thi chính sách, tạo ra sự rõ ràng và nhất quán trong chính sách, tăng cường lòng tin và thu hút đầu tư vào năng lượng tái tạo.

Việt Nam nên áp dụng công cụ hạn ngạch năng lượng tái tạo (RPO) để thực hiện hoàn thành mục tiêu năng lượng tái tạo quốc gia. Hơn nữa, cần xây dựng một cơ chế phạt đủ mạnh khiến cho các công ty năng lượng phải tuân thủ theo RPO của Chính phủ quy định. Đồng thời thực hiện kết hợp với CDM, tạo ra một thị trường mua bán các chứng chỉ năng lượng tái tạo, giúp các công ty năng lượng dễ dàng hơn trong hoàn thành mục tiêu và gia tăng thu nhập cho các nhà sản xuất năng lượng tái tạo.

Nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện, Việt Nam xem xét sử dụng và điều chỉnh các công cụ chính sách cụ thể khác nhau để thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng các công nghệ năng lượng tái tạo khác nhau và các loại hỗ trợ khác nhau để có được một hệ thống chính sách hỗ trợ năng lượng tái tạo toàn diện. Nghiên cứu sử dụng hệ thống các công cụ tổng hợp: Thuế trợ cấp (FIT), hoàn thuế, miễn thuế nhập khẩu, đấu thầu cạnh tranh, hỗ trợ cho vay, nhiên liệu sinh học bắt buộc,... Các công cụ này đã được áp dụng tại Việt Nam, tuy nhiên chúng vẫn chưa thực sự đem lại hiệu quả do các vấn đề liên quan tới các thủ tục hành chính hoặc do

mức FIT so với các nước trong khu vực quá thấp, dẫn tới hạn chế trong việc kích thích năng lượng tái tạo của Việt Nam phát triển.

Do các dự án năng lượng tái tạo thường ở những khu vực xa và khó khăn, việc nối lưới quốc gia trở thành rào cản lớn đối với các nhà đầu tư. Chính vì vậy, Việt Nam cần có chính sách mua và hỗ trợ nối lưới đối với các dự án năng lượng tái tạo nhằm tiêu thụ hết sản lượng sản xuất. Chạy tới đa công suất và bán được toàn bộ sản lượng giúp cho đảm bảo việc thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận của các dự án năng lượng tái tạo sẽ giúp các dự án này trở nên hấp dẫn và thu hút nhiều nguồn vốn hơn.

Việt Nam cần tăng cường đầu tư vào R&D và phát triển các nhà sản xuất thiết bị năng lượng tái tạo trong nước. Khi chúng ta có thể nắm vững công nghệ và các thiết bị được sản xuất sẽ giúp giảm chi phí đầu tư do không phải nhập khẩu và vận hành hiệu quả các dự án này. Điều này sẽ thúc đẩy năng lượng tái tạo phát triển trong dài hạn và tăng tính hấp dẫn đối với các nhà đầu tư khu vực tư nhân trong và ngoài nước.

#### Tài liệu tham khảo

1. Baietti, A. (2013). *Green Infrastructure Finance Green Investment Climate Country Profile - Vietnam*.
2. Chính phủ Việt Nam (2015). *Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2013, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
3. EVN (2011). *Quy hoạch phát triển điện VII*.
4. GIZ (2015). *Năng lượng tái tạo tại Việt Nam*. Truy cập tại <http://www.renewableenergy.org.vn;http://www.renewableenergy.org.vn/index.php?page=nang-luong-tai-tao-tai-viet-nam>
5. Joint Implementation and Clean Development Mechanism Program (2013). *CDM Market Brief: Vietnam*. Federal Republic of Germany.
6. Phương Mai (2015). *Thuế bảo vệ môi trường không làm tăng giá xăng*. Truy cập tại <http://www.mof.gov.vn;http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/vtc/sfnsn/sitn/duoan>
7. Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp, [www.moj.gov.vn](http://www.moj.gov.vn).